

4. Số lượng tuyển sinh:

Mã trường: DQU

Địa chỉ: 102 đường Hùng Vương, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng.

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
1	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	108	1. Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và điểm thi năng khiếu 2. Kết hợp kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026 và điểm thi năng khiếu	M00: Ngữ văn, Toán, Năng khiếu M01: Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu M02: Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu M03: Ngữ văn, GDKT&PL, Năng khiếu
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM/ĐHSP Hà Nội năm 2026 và điểm thi năng khiếu	
					02	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	145	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	A00: Toán, Vật lí, Hóa học C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh X01: Toán, Ngữ văn, GDKT&PL
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của	

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
						ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
					11	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
3	7140209	Sư phạm Toán	7140209	Sư phạm Toán	43	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh X01: Toán, Ngữ Văn, GDKT&PL
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
					02	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
4	7140211	Sư phạm Vật lý	7140211	Sư phạm Vật lý	10	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học D11: Văn, Vật lý, Tiếng Anh X07: Toán, Vật lý, Công nghệ công nghiệp

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
					02	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
5	7140213	Sư phạm Sinh học	7140213	Sư phạm Sinh học	9	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	B00: Toán, Hóa học, Sinh học B03: Toán, Ngữ Văn, Sinh học B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh D13: Ngữ Văn, Sinh học, Tiếng Anh C08: Ngữ Văn, Hóa học, Sinh học
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
					03	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
6	7140217	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Sư phạm Ngữ văn	43	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí; D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh; D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh;

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
						THPT (học bạ 3 năm) năm 2026 3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	X70: Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL X74: Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL
					02	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
7	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	28	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026 3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
					02	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
8	7140247	Sư phạm Khoa học tự	7140247	Sư phạm Khoa học	37	1. Xét kết quả thi tốt	A00: Toán, Vật lí, Hóa học

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
		nhiên		tự nhiên		nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026 3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	K01: Toán, Ngữ Văn, Vật lí/ Hóa học/ Sinh học B02: Toán, Hóa học, Sinh học A01: Toán, Vật Lí, Tiếng Anh
					03	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
9	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	170	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026 3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh; D01: Ngữ văn, Toán, Anh; D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh; D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
						4. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) trước	

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
						năm 2026	
					05	5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
10	7229010	Lịch sử	7229010	Lịch sử	127	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí; D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh; X17: Toán, Lịch Sử, GDKT&PL; X70: Ngữ Văn, Lịch Sử, GDKT&PL
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
						4. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2026	A08: Toán, Lịch sử, GD&ĐT C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý C19: Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
					03	5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
11	7310630	Việt Nam học (VH-DL)	7310630	Việt Nam học (VH-DL)	129	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D15: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh X70: Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
						THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	X74: Ngữ văn, Địa lý, GDKT & PL
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
						4. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2026	
					01	5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý C19: Ngữ văn, Lịch sử, GDCD C20: Ngữ văn, Địa lý, GDCD D15: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
12	7480201	Công nghệ Thông tin	7480201	Công nghệ Thông tin	218	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	A00: Toán, Vật lý, Hóa học; A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh D01: Ngữ Văn, Toán, Anh; X01: Toán, Ngữ Văn, GDKT&PL X02: Toán, Ngữ văn, Tin học
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
						4. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2026	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C14: Ngữ văn, Toán, GD&ĐT D01: Ngữ Văn, Toán, Anh
					07	5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
13	7620112	Bảo vệ thực vật	7620112	Bảo vệ thực vật	39	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh K01: Toán, Ngữ văn, Sinh học X01: Toán, Ngữ văn, GDKTPL X03: Toán, Ngữ văn, Công nghệ công nghiệp X15: Toán, Sinh học, Công nghệ công nghiệp
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
						4. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2026	
					01	5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
14	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	95	1. Xét kết quả thi tốt	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh;

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
						nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh; X21: Toán, Địa lý, GDKT&PL X25: Toán, GDKTPL, Tiếng Anh
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
						4. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2026	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh; A09: Toán, Địa lý, GD&ĐT D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh; D84: Toán, GD&ĐT, Tiếng Anh

Ghi chú: Đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026 nhưng tham gia dự thi tốt nghiệp THPT năm 2026 thì Nhà trường sẽ xét tuyển theo kết quả tổ hợp môn mà thí sinh dự thi (phải đảm bảo trong tổ hợp Nhà trường đã thông báo).